

1. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
    echo (int) "1234five";  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?

- ☒ A. 1234
  - ☐ B. 12345
  - ☐ C. 0
  - ☐ D. Có lỗi xảy ra
2. Đoạn code sau xuất ra gì?
- ```
echo "He said \"welcome to FIT-TDC\"";
```
- ☐ A. He said \"welcome to FIT-TDC\"
  - ☐ B. He said \\welcome to FIT-TDC\\
  - ☒ C. He said "welcome to FIT-TDC"
  - ☐ D. Tất cả đều sai

3. Đoạn code sau xuất ra gì?

```
echo stripslashes("He said \"welcome to FIT-TDC\"");
```

- ☐ A. He said \"welcome to FIT-TDC\"
- ☐ B. He said \\welcome to FIT-TDC\\
- ☒ C. He said "welcome to FIT-TDC"
- ☐ D. Tất cả đều sai

4. Đoạn code sau xuất ra gì?

```
echo substr("Hello world!",-1,5);
```

- ☐ A. ello
- ☒ B. !
- ☐ C. worl
- ☐ D. d!

5. Đoạn code sau xuất ra gì?

```
echo addslashes("He said \"welcome to FIT-TDC\"");
```

- ☒ A. He said \"welcome to FIT-TDC\"
- ☐ B. He said \\welcome to FIT-TDC\\
- ☐ C. He said "welcome to FIT-TDC"
- ☐ D. Tất cả đều sai

6. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
for($a = 1; $a < 10; $a++){  
    if($a == 5)  
        continue;  
    print $a;
```

```
}  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?

- A. 123456789
- B. 12345
- C. 1234
- ~~D. 12346789~~

7. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
$x = false;  
if($x = true)  
    echo "true";  
else  
    echo "false"  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?

- ~~A. true~~
- B. false
- C. true false
- D. Có lỗi xảy ra

8. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
function x($a = 6){  
    $a = $a / 2;  
    return $a;  
}
```

```
$b = 10;  
x($b);  
echo $b;  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?

- A. 3
- B. 5
- C. 6
- ~~D. 10~~

9. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
switch(1){  
    case 1: print "Nam";  
    case 2: print "Nu";  
    default: print "Khac";
```

```
}  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?

- A. Nam
- B. Nu
- C. Có lỗi xảy ra
- ☒ D. NamNuKhac

10. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
$n = 10;  
while($n > 5)  
    $n++;  
echo $n;  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?"

- A. 0
- B. 5
- C. 10
- ☒ D. Có lỗi xảy ra

11. Phát biểu nào đúng nhất về cookie?

- ☒ A. Sử dụng hàm setcookie() để tạo một cookie
- B. Sử dụng hàm setcookie() để xóa một cookie mà không cần set tham số thứ 3
- C. Cần phải khai báo hàm setcookie trước thẻ đóng html
- D. Tất cả đều đúng

12. Để chỉ xóa một session \$\_SESSION["user"], ta dùng:

- A. Hàm session\_unset();
- B. Hàm session\_destroy();
- ☒ C. Hàm unset(\$\_SESSION["user"])
- D. Tất cả đều đúng

13. Đoạn code sau hiển thị gì?

```
setcookie("name","thao",time()-1);  
if(isset($_COOKIE["name"])){  
    echo $_COOKIE["name"];  
}
```

- A. thao
- B. name
- ☒ C. Không hiển thị
- D. Báo lỗi

14. Đoạn code sau hiển thị gì?

```
$_SESSION["user"] = "thao";  
if(isset($_SESSION["name"])){  
    echo $_SESSION["name"];  
}
```

- A. thao
- B. name
- ☒ C. Không hiển thị
- D. Báo lỗi

15. Để chuyển một chuỗi thành một mảng, sử dụng hàm nào sau đây?

- A. implode
- ☒ B. explode
- C. str\_array
- D. str\_to\_array

16. Hàm nào có thể xem thông tin phiên bản PHP

- A. php\_version()
- ☒ B. phpinfo()
- C. phpsetting()
- D. phpserver()

17. Làm thế nào để lưu một biến vào Session?

- A. \$n = 5; session\_register("n");
- B. Session\_register("n", 5);
- ☒ C. \$\_SESSION["n"] = 5;
- D. \$\_SESSION\_VAR["n"] = 5;

18. Từ khóa nào sau đây không dùng để khai báo phạm vi truy xuất của biến?

- A. public
- B. protected
- C. private
- ☒ D. procedure

19. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
$x = 3;  
$y = 4;  
$z = $x++ * ++$y;  
echo $z;  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?

- A. 12
- ~~B. 15~~
- C. 16
- D. 20

20. Lệnh nào sau đây dùng để tạo mảng trong PHP?

- A. `$fruit = {"Apple", "Mango", "Pear"};`
- B. `$fruit = ["Apple", "Mango", "Pear"];`
- ~~C. `$fruit = array("Apple", "Mango", "Pear");`~~
- D. `$fruit = array["Apple", "Mango", "Pear"];`

21. Phát biểu nào đúng về tầm vực protected

- A. thuộc tính/ phương thức có thể được truy cập ở bất kỳ nơi đâu, bao gồm cả bên trong và bên ngoài class
- B. thuộc tính/ phương thức chỉ có thể được truy cập bên trong nội bộ class
- ~~C. thuộc tính/ phương thức chỉ có thể được truy cập bên trong class đó hoặc trong các class con kế thừa từ class đó~~
- D. Tất cả đều sai

22. Phát biểu nào đúng về kế thừa lớp

- A. Một lớp có thể kế thừa các thuộc tính/ phương thức public của một lớp khác bằng cách sử dụng từ khóa extends
- B. Để thay đổi một thuộc tính/ phương thức public kế thừa từ lớp cha, ta chỉ cần định nghĩa lại thuộc tính/ phương thức đó trong lớp con
- C. Khi có nhu cầu giữ lại hàm gốc từ class cha, đồng thời thêm vào đó một vài câu lệnh khác, ta dùng `parent::` trước tên hàm cha cần giữ lại.
- ~~D. Tất cả đều đúng~~

23. Phát biểu nào đúng về các hàm trong một class:

- A. Hàm `__construct()` là hàm được gọi tự động và không cần tạo đối tượng từ class
- ~~B. Hàm `__construct()` phải bắt đầu bằng 2 dấu `__`~~
- C. Hàm `__destruct()` là hàm được gọi đầu tiên khi đối tượng được tạo
- D. Tất cả đều đúng

24. Phát biểu nào sai về từ khóa static trong hướng đối tượng:

- A. Khi properties hay methods được khai báo kèm từ khóa static, chúng có thể được truy cập mà không cần khởi tạo instance cho class đó
- B. Giá trị của static properties được lưu giữ trong suốt quá trình hoạt động
- ~~C. Cách gọi static properties hay methods dùng dấu `->`~~
- D. Tất cả đều sai

25. Có mấy dạng mảng trong PHP? Kể tên

- A. 1 (index)
- B. 2 (index, associative)
- ~~C.~~ 3 (index, associative, multidimensional)
- D. 3 (index, associative, two-dimensional)

26. Đầu là cách khai báo mảng sai

- A. \$cars = array(0=>"Volvo", 3=>"BMW", 5=>"Toyota");
- B. \$age = array("Peter"=>"35", "Ben"=>"37", "Joe"=>"43");
- C. \$cars = array (array("Volvo",22,18),1,array(1));
- ~~D.~~ \$age = array(Peter=>"35", Ben=>"37", Joe=>"43");

27. Đoạn code sau hiển thị ra gì?

```
$cars = array(0=>"Volvo", 3=>"BMW",5=> "Toyota");  
for($i=0; $i<count($cars); $i++){  
    echo $cars[$i];  
}
```

- A. Volvo
- B. Undefined array key 1
- C. Undefined array key 2
- ~~D.~~ Tất cả đều đúng

28. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
$x = 5;  
function show() {  
    echo $x;  
}  
show();  
$x++;  
echo $x;  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?

- A. 5
- ~~B.~~ 6
- C. 55
- D. 56

29. Cách nào sau đây giúp lấy dữ liệu gửi đi từ Form mà không biết cơ chế nó đã được gửi đi?

- A. \$\_GET[]
- B. \$\_POST[]

- ☒ C. \$\_REQUEST[]
- D. \$\_SUBMIT[]

30. Cho đoạn mã lệnh sau:

```
<?php  
$array1 = array(9, 8, "web2", "3credits");  
echo array_sum($array1);  
?>
```

Kết quả hiển thị của đoạn mã trên là gì?

- A. 17
- B. 19
- ☒ C. 20
- D. 22

31. Cho 2 biến \$x = 2 và \$y = 6. Để in ra tổng 2 biến trên, ta làm như sau:

- A. echo "Tổng của x và y là \$x + \$y";
- B. echo "Tổng của x và y là \$x + \$y";
- C. echo "Tổng của x và y là ".\$x + \$y;
- ☒ D. echo "Tổng của x và y là ".\$(x + \$y);

32. Cho đoạn code php sau:

```
for($i=1;$i<=10;$i++){  
    if($i%5 == 0){ echo $i." ";}  
    else { echo $i;}  
}
```

Đoạn code trên sẽ in ra

- A. 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
- ☒ B. 12345 678910
- C. 12345678910
- D. 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

33. Để ghi chú nhiều dòng trong PHP, ta sử dụng

- A. //
- ☒ B. /\*.. \*/
- C. #
- D. Tất cả câu trên

34. Đoạn code sau sẽ hiển thị ra gì?

```
$x = 5 /* + 15 */ + 5;  
echo $x;
```

- ☒ A. 10
- B. có lỗi xảy ra
- C. 5
- D. 20

35. Đoạn code sau sẽ hiển thị ra gì?

```
function tinhToan($x,$y){ return $x + $y;}
```

A.  $\$x+\$y$

B.  $\$x$

C.  $\$y$

☒ D. Tất cả đều sai

36. "Đoạn code sau sẽ hiển thị ra gì?

```
function tinhToan($x,$y){ return $x + $y;}
```

```
tinhToan(3,4);
```

A. 7

B. 3

C. 4

☒ D. Không hiển thị

37. Để kiểm tra kiểu dữ liệu và giá trị của một biến, ta sử dụng hàm nào?

A. check()

☒ B. var\_dump()

C. gettype()

D. getval()

38. Cho biến chuỗi như sau:

```
$str = "Truong Cao dang Cong nghe Thu Duc";
```

Để đếm số lượng ký tự chuỗi trên, ta sử dụng hàm?

A. count()

☒ B. strlen()

C. substr()

D. trim()

39. Hàm date() trong php trả về định dạng ngày giờ hệ thống. Để hiển thị phút ta làm như sau:

A. date("M")

B. date("m")

C. date("l")

☒ D. date("i")

40. Để giới hạn số lượng dòng dữ liệu trả về trong câu SQL, ta dùng:

A. LIMITS

B. LIMIT BY

☒ C. LIMIT

D. LIMITS BY



41. Để có thể kết hai hay nhiều tables, dựa trên các cột liên quan giữa các bảng, ta dùng
- A. ADD
  - B. CONNECT
  - C. COMBINE
  - ☒ D. JOIN

42. Khi sử dụng câu lệnh UNION trong SQL chúng ta cần phải:
- ☒ A. Số lượng column trong tất cả các lệnh SELECT phải bằng nhau
  - B. Mỗi column tương ứng vị trí phải có cùng kiểu dữ liệu
  - C. UNION ALL là loại bỏ kết quả trùng
  - D. Tất cả đều sai

43. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?
- ```
$a=array("a"=>"red","b"=>"green");  
array_unshift($a,"blue");  
print_r($a);
```
- A. Array ( [0] => red [a] => green [b] => blue )
  - ☒ B. Array ( [0] => blue [a] => red [b] => green )
  - C. Array ( [0] => red [a] => green )
  - D. Array ( [0] => red [a] => blue [b] => green )

44. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?
- ```
$a=array("red","green");  
array_push($a,"blue","yellow");  
print_r($a);
```
- A. Array ( [0] => blue [1] => yellow[2] => red [3] => green )
  - B. Array ( [0] => red [1] => green [2] )
  - ☒ C. Array ( [0] => red [1] => green [2] => blue [3] => yellow )
  - D. Array ( [0] => red [1] => green [2] => yellow )

45. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?
- ```
$a=array("red","green","blue","yellow","brown");  
$random_keys=array_rand($a,3);  
print_r($a);
```
- A. Array ( [0] => 1 [1] => 2 [2] => 4 )
  - B. Array ( [0] => 0 [1] => 2 [2] => 3 )
  - C. Array ( [0] => 1 [1] => 3 [2] => 4 )
  - ☒ D. Array ( [0] => red [1] => green [2] => blue [3] => yellow [4] => brown )

46. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?
- ```
$a=array("red","green","blue");  
array_pop($a);
```

print\_r(\$a);

- ☒ A. Array ( [0] => red [1] => green )
- B. Array ( [0] => green [1] => blue )
- C. Array ( [0] => green [1] => blue [2] => red )
- D. Array ( [0] => blue [1] => red [2] => green )

47. Đoạn code sau:

```
<?php
```

```
$a=array("a"=>"red","b"=>"green");
```

```
?>
```

Để trả về chiều dài của mảng \$a, ta dùng:

- A. \$a.strlen()
- B. \$a.count()
- ☒ C. count(\$a)
- D. strlen(\$a)

48. Để xem phiên bản php đang sử dụng, ta dùng:

- A. Hàm phpinfo();
- B. Hàm phpversion();
- C. Chạy lệnh php -v
- ☒ D. Tất cả đều đúng

49. Hàm kết nối nào sau đây đúng

- A. \$mysqli -> new mysqli(host, username, password, dbname)
- B. mysqli\_connect(host, username, password, dbname,port,socket)
- ☒ C. Tất cả đều đúng
- D. Tất cả đều sai

50. Hàm nào duyệt 1 dòng và chỉ trả về mảng associative?

- A. fetch\_array()
- ☒ B. fetch\_assoc()
- C. fetch\_fields()
- D. fetch\_row()

51. Trong các biến sau, biến nào trả về tên file của đoạn mã đang thực thi

- A. \$\_SERVER["SERVER\_NAME"]
- B. \$\_SERVER["SCRIPT\_NAME"]
- ☒ C. \$\_SERVER["PHP\_SELF"]
- D. \$\_SERVER["SCRIPT\_FILENAME"]

52. Để copy file a.php vào file b.php, ta sử dụng câu lệnh sau:

- A. include

- B. require
- C. include\_once
- ☒ D. Tất cả đều đúng

53. Đây là câu trả lời đúng khi muốn tạo ra 1 cookie có thời hạn là 1 tiếng?

- A. \$\_COOKIE[user] = "user1";
- B. setcookie("user", "user1", 3600);
- ☒ C. setcookie("user", "user1", time() + 3600);
- D. setcookie("user", "user1", time() + 86400);

54. Để xóa một cookie có name="user", ta làm như sau:

- A. unset\_cookie("user");
- ☒ B. setcookie("user", "user1", time() - 86400);
- C. setcookie("user", time() - 1);
- D. unset(\$user)

55. Phát biểu nào không đúng về biến session

- A. Biến session có thể lưu trữ thông tin biến và được sử dụng qua nhiều trang
- B. Session lưu trữ thông tin trên server
- C. Session thường được ứng dụng trong chức năng đăng nhập/ đăng xuất
- ☒ D. Mọi file có sử dụng biến session đều phải khai báo hàm session\_start() trước biến session muốn sử dụng

56. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?

```
class Student {
    public $name = "John";
    public $age;
    public function __construct($name) {
        $this->name = $name;
    }
    public function get_name() {
        return $this->name;
    }
}
$std1 = new Student("Peter");
echo $std1->get_name();
```

- ☒ A. Peter
- B. \$name
- C. Không hiển thị
- D. John

57. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?

```
class Student {
```

```

public $name = "John";
public $age;
public function __construct() {
    $this->set_name();
}
public function set_name(){
    $this->name = "Bill";
}
public function get_name() {
    return $this->name;
}
}
$std1 = new Student();
echo $std1->get_name();
A. Peter
B. Bill
C. Không hiển thị
D. John

```

58. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?

```

class Demo {
    public static $num = 1;
    public static function increaseNum(){
        return ++self::$num;
    }
}
echo Demo::increaseNum();
A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

```

59. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?

```

class Demo {
    public static $num = 1;
    public static function increaseNum(){
        return ++self::$num;
    }
}
Demo::increaseNum();
Demo::increaseNum();
echo Demo::increaseNum();
A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

```

60. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?

```
class Demo {  
    public static $num = 1;  
    public static function increaseNum(){  
        return ++self::$num;  
    }  
}  
$a = Demo::increaseNum();  
$b = Demo::increaseNum();  
echo $b;
```

- A. 1
- B. 2
- ☒ C. 3
- D. 4

61. Đoạn code sau sẽ hiển thị gì?

```
class Demo {  
    public static $num = 1;  
    public static function increaseNum(){  
        return self::$num++;  
    }  
}  
echo Demo::increaseNum();
```

- ☒ A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

62. Để kiểm tra biến có tồn tại hay không, ta sử dụng hàm?

- A. is\_empty()
- ☒ B. isset()
- C. is\_null()
- D. is\_real()

63. Hàm nào trong php là hàm làm tròn xuống số nguyên gần nhất?

- A. ceil()
- B. round()
- ☒ C. floor()
- D. abs()

64. Hàm nào trong php kiểm tra giá trị không phải số?

- A. is\_value()

- B. is\_val()
- ~~C. is\_nan()~~
- D. is\_finite()

65. Cho đoạn code php sau:

```
for($i=1;$i<=10;$i++)
    if($i%2 == 0 and $i%4 == 0 and 1){ echo $i." ";}
```

Đoạn code trên sẽ in ra

- A. Xảy ra lỗi
- ~~B. 4 8~~
- C. 2 4 6 8 10
- D. 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

66. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi lấy ra các cột id, name, price, image, description trong bảng **products**?

- A. SELECT \* FROM products WHERE id = 1
- B. SELECT `id`,` name`,` price`,` image`,` description` FROM products WHERE `id` =1
- C. SELECT `id`,` name`,` price`,` image`,` description` FROM product
- ~~D. SELECT `id`,` name`,` price`,` image`,` description` FROM products WHERE 1~~

67. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi lấy ra sản phẩm có id = 10?

- ~~A. SELECT \* FROM products WHERE `id` = 10~~
- B. SELECT `id`,` name`,` price`,` image`,` description` FROM products WHERE `id` = 10
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Cả 2 đều sai

68. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi lấy ra sản phẩm có type\_id = 1?

- A. SELECT \* FROM products WHERE `id` = 1
- B. SELECT \* FROM products WHERE `id` = 10
- ☒ C. SELECT \* FROM products WHERE `type\_id` = 1
- D. SELECT \* FROM products WHERE `type\_id` = 10

69. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi lấy ra sản phẩm của hãng "Apple"?

- A. SELECT \* FROM products WHERE `name` = "Apple"
- B. SELECT \* FROM products WHERE `type\_name` = "Apple"
- C. SELECT \* FROM products,manufactures WHERE `type\_name` = "Apple"
- ☒ D. SELECT \* FROM products,manufactures WHERE `type\_name` = "Apple" AND products.`manu\_id` = manufactures.`manu\_id`

70. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi lấy ra 10 sản phẩm mới nhất?

- A. SELECT \* FROM products LIMIT 10
- B. SELECT \* FROM products LIMIT 0,10
- ☒ C. SELECT \* FROM products ORDER BY `id` DESC LIMIT 10
- D. SELECT \* FROM products ORDER BY `id` ASC LIMIT 10

71. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name

- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi lấy ra 10 sản phẩm mới tiếp theo sau 10 sản phẩm mới nhất?

- A. SELECT \* FROM products ORDER BY `id` ASC LIMIT 0,10
- B. SELECT \* FROM products ORDER BY `id` ASC LIMIT 10,10
- C. SELECT \* FROM products ORDER BY `id` DESC LIMIT 0,10
- ☒ D. SELECT \* FROM products ORDER BY `id` DESC LIMIT 10,10

72. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi lấy ra tất cả sản phẩm mà nội dung phần mô tả có chứa "128GB"

- A. SELECT \* FROM products WHERE `name` = "%128GB%"
- B. SELECT \* FROM products WHERE `description` = "%128GB%"
- C. SELECT \* FROM products WHERE `name` LIKE "%128GB%"
- ☒ D. SELECT \* FROM products WHERE `description` LIKE "%128GB%"

73. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi muốn xóa sản phẩm có id = 10

- ☒ A. DELETE FROM products WHERE `id` = 10
- B. DELETE \* FROM products WHERE `id` = 10
- C. DELETE FROM products
- D. DELETE \* FROM products

74. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi muốn cập nhật giá của sản phẩm có id=11 thành 899,000 VND



- A. UPDATE FROM products WHERE `id` = 11
- ~~B.~~ UPDATE products SET `price` = 899000 WHERE `id` = 11
- C. UPDATE product SET `price` = 899,000 WHERE `id` = 11
- D. UPDATE FROM products SET `price` = 899000 WHERE `id` = 11

75. Cho CSDL mobile có các bảng như sau:

- Bảng **products**, lưu trữ thông tin sản phẩm, gồm các cột: id, name, manu\_id, type\_id, price, pro\_image, description, feature, created\_at
- Bảng **manufactures**, lưu trữ các hãng sản xuất (Apple, Oppo, Samsung,...), gồm các cột: manu\_id, manu\_name
- Bảng **prototypes**, lưu trữ loại sản phẩm (điện thoại, laptop, loa,...), gồm các cột: type\_id, type\_name

Câu truy vấn nào đúng nhất khi muốn cập nhật giá của sản phẩm có id=11 thành 899,000 VND

- A. UPDATE FROM products WHERE `id` = 11
- ~~B.~~ UPDATE products SET `price` = 899000 WHERE `id` = 11
- C. UPDATE product SET `price` = 899,000 WHERE `id` = 11
- D. UPDATE FROM products SET `price` = 899000 WHERE `id` = 11

76. Dấu % đại diện cho:

- A. Một ký tự bất kỳ
- B. Một hoặc nhiều ký tự bất kỳ
- ~~C.~~ Không hoặc nhiều ký tự bất kỳ
- D. Tất cả đều sai

77. Trong kỹ thuật tìm kiếm, để lấy được từ khóa trong form tìm kiếm, ta sử dụng biến:

- ~~A.~~ \$\_GET
- B. \$\_POST
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Tùy thuộc vào phương thức truyền dữ liệu của form

78. Trong kỹ thuật upload file, để lấy thông tin file upload, ta dùng biến:

- ~~A.~~ \$\_FILES
- B. \$\_POST
- C. \$\_FILE
- D. \$\_GET

79. Bên trong form upload có 2 thành phần sau:

```
<input type="file" name="fileToUpload" id="fileToUpload">
<input type="submit" value="Upload Image" name="submit">
```

Để lấy ra tên của file upload, ta dùng:

- A. \$\_FILES["file"]["name"]
- ~~B.~~ \$\_FILES["fileToUpload"]["name"]

- C. `$_FILE["file"]["name"]`
- D. `$_FILE["fileToUpload"]["name"]`

80. Form để upload file phải có thuộc tính:

- A. `method="post"`
- B. `enctype="multipart/form-data"`
- ☒ C. Cả hai đều đúng
- D. Cả hai đều sai